

Bản án số: **81/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 11-12-2020

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hữu Chí

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Điệp

2. Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến- kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 559/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1042/2020/QĐST-NHGD ngày 19 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Lượm), sinh năm 1982

Địa chỉ: tổ 2, ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T1 (Tên gọi khác: Cúc), sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(anh T, chị T1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị Nguyễn Thị Kim T1 yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2004 nhưng đã ly hôn vào

năm 2014. Đến ngày 31/01/2020 thì đăng ký kết hôn lại lần thứ hai UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T1 thường xuyên bài bạc, đem xe máy của anh đi bán lấy tiền, nhiều lần còn đem đi cầm cố lấy tiền bài bạc, một mình anh phải đi làm nuôi con nên vợ chồng thường hay gây gỗ, cãi vã. Mặc dù anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị T1 vẫn không thay đổi. Hiện nay vợ chồng đã ly thân được khoảng 05 tháng, do tình cảm không còn nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nhiều lần mà sớm giải quyết cho anh được ly hôn chị T1.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T2, sinh ngày 25/3/2007 và cháu Nguyễn Thị Yến T3, sinh ngày 28/5/2011. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm công nhân (chức vụ tổ trưởng), thu nhập mỗi tháng khoảng 10 triệu đồng. Sau khi ly thân, anh đem hai con chung về sống cùng nhà với cha mẹ ruột cũng ở xã P, còn chị T1 sống một mình.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 19/11/2020 và các lời khai tiếp theo tại tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T1 trình bày:

Về thời gian và hoàn cảnh kết hôn như anh T trình bày là đúng.

Về vấn đề mâu thuẫn của vợ chồng thì anh T khai không đúng sự thật. Việc anh T khai chị đánh bài là đúng, nhưng không chơi thường xuyên, chỉ thỉnh thoảng chủ nhật ở nhà thì chơi. Chị có đem xe của anh T đi cầm vài lần để lấy tiền đánh bài. Khoảng 03 tháng nay vợ chồng không còn sống chung một nhà, anh T và hai con dọn về sống cùng với cha mẹ chồng, còn một mình chị sống tại căn nhà của vợ chồng. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị có nhiều lần hòa giải đề vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T không đồng ý. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị không đồng ý. Lý do là vì chị còn thương chồng thương con và mong muốn được hòa giải để vợ chồng cùng lo cho con cái.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T2, sinh ngày 25/3/2007 và cháu Nguyễn Thị Yến T3, sinh ngày 28/5/2011. Nếu ly hôn, anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị không đồng ý mà có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, nếu ly hôn chị T1 đồng ý giao 02 con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không trợ cấp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T1 không trình bày gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, xử cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T1.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị T1 đồng ý giao 02 con chung cháu là cháu Nguyễn Thị Huyền T2, sinh ngày 25/3/2007 và cháu Nguyễn Thị Yến T3, sinh ngày 28/5/2011 cho anh T nuôi dưỡng, chị T1 không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: anh T và chị T1 chung sống với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, do cả hai đều tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Anh T xin ly hôn, chị T1 mong muốn được hòa giải đoàn tụ, Tòa án đã vận động các bên hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng anh T vẫn cương quyết xin được ly hôn. Xét thấy việc anh T xin ly hôn nguyên nhân là do chị T1 bài bạc, đem xe máy của anh Trọn đi bán, cầm cố lấy tiền đánh bài, mặc dù anh Trọn đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị T1 vẫn không thay đổi. Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử xét thấy vào năm 2014 anh T và chị T1 đã từng ly hôn nhưng sau đó cả hai cho nhau cơ hội quay về đoàn tụ, tiếp tục chung sống vợ chồng nhưng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, từ đó cho thấy nguyên nhân dẫn đến tình cảm vợ chồng sút mẻ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn đa phần xuất phát từ chị T1 nên việc anh T xin ly hôn là chính đáng, vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn chị T1 là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về con chung*: Có 02 cháu là Nguyễn Thị Huyền T2, sinh ngày 25/3/2007 và cháu Nguyễn Thị Yến T3, sinh ngày 28/5/2011.

Tại phiên tòa hôm nay anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng và được chị T1 đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[4] *Về nợ chung*: Không có nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Luộm).

Xử: Anh Nguyễn Văn T (Luộm) được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim T1 (Tên gọi khác: Cúc).

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị T1 đồng ý giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T2, sinh ngày 25/3/2007 và cháu Nguyễn Thị Yên T3, sinh ngày 28/5/2011 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng. chị T1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

chị T1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

4. Về án phí: anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000798 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. anh T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Dương Hữu Chí